TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01 */2018/DSST HNGĐ*
Ngày: 18 */ 01 /2018*
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Quốc Sáu; Ông Hoàng Văn Lược
- *Thư ký phiên toà*: Bà Lại Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Ngày 18 tháng *01* năm *2018* tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số *144/ /2017* /TLST-HNGĐ ngày *02* tháng *10* năm *2017* về tranh chấp " *Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02 /QĐXX ngày 02 /01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1961
Trú tại: Số nhà N, đường X, khu phố Y, phường B, thị xã B , tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Đ sinh năm 1960
Trú tại: Số nhà N, đường X, khu phố Y, phường B , thị xã B , tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 /9/2017, bản tự khai ngày 05 tháng 10 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn với nhau vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND phường B , thị xã B, tỉnh T. Quá trình chung sống được hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do anh Đ thường hay nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác. Từ đó về nhà anh hay phá phách đồ đạc và chửi bới chị. Chị đã nhiều lần giải thích cho anh nhưng cũng không được. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ .

Về phần con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu đầu tên là: Nguyễn Thị D (nữ) sinh năm 1991 cháu thứ hai tên là: Nguyễn Đình Q (nam) sinh năm 1992. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về phần tài sản: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đình Đ trình bày:

Về điều kiện kết hôn giữa chị và anh Nguyễn Đình Đ như chị M khai trình là hoàn toàn đúng sự thật. Quá trình chung sống do hai bên có những mối nghi ngờ nhau không tin tưởng lẫn nhau nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Ban đầu anh cũng muốn để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay anh thấy chị M có những biểu hiện coi thường anh nên anh cũng cảm thấy cuộc sống không có hạnh phúc. Anh và chị M đã ly thân từ năm 2015, cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau nên anh cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị M .

Về phần con cái như chị M trình bày là đúng. Các con chung của anh và chị M cháu Nguyễn Thị D (nữ) sinh năm 1991; cháu thứ hai tên là: Nguyễn Đình Q (nam) sinh năm 1992 đã đến tuổi thành niên và đã có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phần con cái.

Về tài sản: Tại bản tự khai ngày 01/11/2017 và quá trình trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Nguyễn Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nhưng tại phiên tòa hôm nay anh yêu cầu Tòa án chia tài sản là nhà đất của vợ chồng tại khu phố Y, phường B , thị xã B và đề nghị xem xét giải quyết đối với số tiền anh đưa cho chị M trong thời kỳ anh làm ở bãi xe đền Cô G . Phía chị M không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị M kiên quyết xin ly hôn anh Nguyễn Đình Đ . Anh Đ nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị M và đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản như anh đã trình bày ở phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B . Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý giải quyết là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn thị M và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện**,** có đăng ký kết hôn tại UBND phường B , thị xã B , tỉnh T. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống được hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng có những nghi ngờ nhau có quan hệ với người khác. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 đến nay hai người đã ly thân. Chị M và anh Đ đều xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị M . Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

[3]Về phần con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu đầu tên là: Nguyễn Thị D (nữ) sinh năm 1991 cháu thứ hai tên là: Nguyễn Đình Q (nam) sinh năm 1992. Các cháu đều đã đến tuổi thành niên và có gia đình riêng nên Tòa án không giải quyết phần con cái.

[4]. Về phần tài sản: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ mới đề nghị Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản là nhà đất của vợ chông tại khu phố Y, phường B , thị xã B và số tiền anh Đ đưa cho chị M trong khoảng thời gian anh làm ở bãi xe đền Cô G. Xét thấy, quá trình Tòa án giải quyết anh Đ không yêu cầu mặc dù Tòa án đã triệu tập anh lên làm việc rất nhiều lần để yêu cầu tự khai bổ xung nhưng anh không đến làm việc. Vì vậy, không có cơ sở xem xét yêu cầu của anh trong phiên tòa này, khi nào anh có yêu cầu giải quyết sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án Dân sự khác về phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân.

[5].Về án phí: áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**: khoản 1 điều 28 và khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;
Điều 51,56 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M . Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

Về phần con cái: Các con chung của chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đình Đ đã đến tuổi thành niên nên Tòa án không phải giải quyết nên không xét.

Về phần tài sản: Do quá trình giải quyết các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: án phí Dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Nguyễn Thị M nộp tiền tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án Dân sự Bỉm sơn theo biên lai thu số 0004263 ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đình Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/01/2018).

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG